UBND XÃ NGỌC LIÊN

Mẫu số 02

BÁO CÁO THỐNG KÊ VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

(kèm theo Báo cáo số……/BC-UBND ngày…./5/2026 của UBND xã Ngọc Liên)

Lưu ý: Số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 01/5/2026. Đối tượng tổng hợp bao gồm các CBCC trong các cơ quan thuộc HĐND, UBND cấp xã.

TT	Vị trí việc làm	Tổng số biên chế được giao	Tổng số hiện có mặt	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay								Số CBCC bố trí không phù hợp			Ghi chú
				Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Cán bộ cấp tỉnh	Công chức cấp tỉnh	Cán bộ cấp huyện	Công chức cấp huyện	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	Về chuyên ngành đào tạo	Về kinh nghiệm công tác	Tổng số CBCC bố trí không phù hợp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20) = (18) + (19)	(21)
I	**LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ**	**14**	**13**	**0**	**2**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**1**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chủ tịch HĐND																			
2	Chủ tịch UBND	1	1			1					1									
3	Phó Chủ tịch HĐND	1	1			1							1							
4	Phó Chủ tịch UBND	2	2		1	1					2									
5	Chánh Văn phòng HĐND và UBND	1	1			1							1							
6	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND	1	1			1							1							
7	Trưởng phòng	2	2		1	1					2									
8	Phó Trưởng Ban HĐND	2	2			2							2							
9	Phó Trưởng phòng	2	2			2						1	1							
10	Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	1																		
11	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	1	1			1							1							
II	**CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**	**29**	**23**	**0**	**0**	**23**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**2**	**4**	**17**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Lĩnh vực Văn phòng**	**4**	**4**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1.1	Chuyên viên tham mưu, giúp việc HĐND	2	2			2								2						
1.2	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	1	1			1								1						

1.3	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	1	1			1								1						
2	**Lĩnh vực Tư pháp**	**1**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2.1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	1	1			1								1						
3	**Lĩnh vực Đối ngoại**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3.1	Chuyên viên về lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới, lãnh thổ quốc gia	1																		
4	**Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch**	**3**	**2**	**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
4.1	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính	1	1			1								1						
4.2	Chuyên viên về lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, thống kê	1																		
4.3	Chuyên viên về lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	1	1			1							1							
5	**Lĩnh vực Xây dựng**	**3**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
5.1	Chuyên viên về lĩnh vực quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	1																		
5.2	Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, công sở	1	1			1							1							
5.3	Chuyên viên về lĩnh vực giao thông	1																		
6	**Lĩnh vực Công thương**	**1**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
6.1	Chuyên viên về lĩnh vực công thương	1	1			1							1							
7	**Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường**	**5**	**5**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
7.1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	1	1			1								1						
7.2	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	1	1			1								1						
7.3	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	2	2			2								2						
7.4	Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	1	1			1						1								
8	**Lĩnh vực Nội vụ**	**3**	**3**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
8.1	Chuyên viên về lĩnh vực nội vụ	1	1			1						1								

8.2	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	1	1			1								1						
8.3	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	1	1			1								1						
9	**Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
9.1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	1																		
10	**Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin**	**3**	**2**	**0**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
10.1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	1	1			1							1							
10.2	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	1	1											1						
10.3	Chuyên viên về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	1				1														
11	**Lĩnh vực Y tế**	**1**	**1**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
11.1	Chuyên viên về lĩnh vực y tế	1	1			1								1						
12	**Trung tâm Phục vụ hành chính công**	**3**	**3**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
12.1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	3	3			3								3						
13	**Vị trí khác sử dụng tại các Phòng chuyên môn**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
13.1	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng																			
13.2	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số																			
13.3	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành																			
13.4	Văn thư viên																			
13.5	Lưu trữ viên																			
13.6	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)																			
13.7	Kế toán viên																			
13.8	Cán sự thủ quỹ																			
Tổng		**43**	**36**	**0**	**2**	**34**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**3**	**11**	**17**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

UBND XÃ NGỌC LIÊN **Mẫu số 03**

TỔNG HỢP CHI TIẾT VIỆC BỐ TRÍ, SỬ DỤNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Sau khi hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

(kèm theo Báo cáo số……/BC-UBND ngày…./5/2026 của UBND xã Hồi Xuân)

Lưu ý: Số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 01/5/2026. Đối tượng tổng hợp bao gồm các CBCC trong các cơ quan thuộc HĐND, UBND cấp xã

- Cột (4): Ghi "x" nếu là nữ giới.

- Cột (5): Ghi số tuổi. Không ghi năm sinh.

- Cột (6) - (10): Ghi "x" vào cột tương ứng trình độ đào tạo cao nhất của CBCC.

- Cột (11): Ghi tên chuyên ngành đào tạo, không gắn liền với trình độ. Chỉ ghi tên ngành đào tạo. Ví dụ: Công nghệ thông tin, Kế toán… Nếu được đào tạo từ 02 chuyên ngành trở lên; ghi đầy đủ các chuyên ngành đào tạo; mỗi chuyên ngành cách nhau bởi dấu ";".

- Cột (12) - (19): Ghi "x" vào cột tương ứng vị trí việc làm đảm nhiệm trước khi được bố trí vị trí công tác hiện nay.

- Cột (20) - (30): Ghi "x" vào cột vị trí việc làm lãnh đạo quản lý tương ứng nếu CBCCVC là lãnh đạo, quản lý.

- Cột (31) - (43): Ghi rõ vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ theo từng lĩnh vực cụ thể được ghi tại Phụ lục V AO45x.

- Cột (44): Ghi "x" nếu vị trí việc làm hiện nay được bố trí phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ đã qua đào tạo.

TT	Họ và tên	Xã/ phường	Nữ	Tuổi	Trình độ chuyên môn, đào tạo					Chuyên ngành đào tạo	Trước khi đảm nhiệm vị trí công tác hiện nay								Vị trí việc làm Lãnh đạo quản lý											Vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ													Bố trí vị trí việc làm phù hợp		Ghi chú
					Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp		Cán bộ cấp tỉnh	Công chức cấp tỉnh	Cán bộ cấp huyện	Công chức cấp huyện	Cán bộ cấp xã	Công chức cấp xã	Viên chức	Người hoạt động không chuyên trách	Chủ tịch HĐND	Chủ tịch UBND	Phó Chủ tịch HĐND	Phó Chủ tịch UBND	Chánh Văn phòng HĐND và UBND	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND	Trưởng phòng	Phó Trưởng Ban HĐND	Phó Trưởng phòng	Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Lĩnh vực Văn phòng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đối ngoại	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	Lĩnh vực Xây dựng	Lĩnh vực Công thương	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	Lĩnh vực Nội vụ	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin	Lĩnh vực Y tế	Phục vụ hành chính công	Khác	Về chuyên ngành đào tạo	Về kinh nghiệm công tác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)
TỔNG			14			2	34						5	3	11	17				1	1	2	1	1	2	2	2		1	3	1		2	1	1	5	2	1	2	1	3				

1	Phan Thị Hà	Ngọc Liên	x	44			x			Kỹ sư trồng trọt			x							x																									
2	Phạm Văn Tùng	Ngọc Liên		56		x				Cử nhân Kinh tế; Th.s Kinh tế			x									x																							
3	Phạm Xuân Khánh	Ngọc Liên		41			x			Kỹ sư Tin học, CN Chính trị			x									x																							
4	Bùi Văm Lâm	Ngọc Liên		50			x			Kỹ sư Khuyến nông và PTNT					x						x																								
5	Phạm Văn Thanh	Ngọc Liên		50			x			Kỹ sư Nông học					x											x																			
6	Cao Viết Thanh	Ngọc Liên		42			x			Kỹ sư Khuyến nông và PTNT					x											x																			
7	Lê Đăng Tuấn	Ngọc Liên		42			x			Cử nhân hành chính					x								x																						
8	Bùi Văn Chí	Ngọc Liên		47			x			Kỹ sư Nông học					x									x																					
9	Cao Văn Dũng	Ngọc Liên		42			x			Cử nhân Luật; cử nhân sư phạm ngữ văn						x														x															
10	Trương Thị Huyền	Ngọc Liên	x	38			x			Cử nhân Luật; cử nhân hành chính						x															x														
11	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Ngọc Liên	x	39			x			Cử nhân Ngữ văn						x														x															
12	Phạm Văn Điều	Ngọc Liên		47			x			Cử nhân Luật						x																									x				
13	Quách Ngọc Tấn	Ngọc Liên		50			x			Cử nhân Luật						x														x															

14	Nguyễn Đình Cường	Ngọc Liên		37			x			Cử nhân Kế toán doanh nghiệp						x													x															
15	Phạm Bá Duy	Ngọc Liên		36			x			Cử nhân Kinh tế			x												x																			
16	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc Liên	x	36			x			Cử nhân kế toán				x													x																	
17	Lê Thị Yến	Ngọc Liên	x	37			x			Cử nhân Tài chính, Ngân Hàng						x																		x										
18	Lê Thị Hồng	Ngọc Liên	x	38			x			Cử nhân Quản lý KD						x																		x										
19	Trương Văn Thành	Ngọc Liên		47			x			Kỹ sư QL đất đai						x																					x							
20	Lê Phú Hải	Ngọc Liên		42			x			Kỹ sư Khoa học - Môi trường						x																					x							
21	Nguyễn Thị Nga	Ngọc Liên	x	35			x			Cử nhân địa chất				x																							x							
22	Phạm Thị Nguyên	Ngọc Liên	x	46			x			Kỹ sư Lâm nghiệp						x																					x							
23	Trịnh Ngọc Vũ	Ngọc Liên		33			x			Kỹ sư kỹ thuật Công trình xây dựng					x																			x									
24	Lê Thị Hiền	Ngọc Liên	x	39			x			Kỹ sư kinh tế xây dựng					x																				x								
25	Lê Thị Nhung	Ngọc Liên	x	41			x			Kỹ sư Chăn nuôi thú y						x																					x							
26	Phạm Tuấn Quảng	Ngọc Liên		52		x				Cử nhân Lịch sử; Th.s Lịch sử			x												x																			

27	Bùi Thị Nhung	Ngọc Liên	x	39			x			Đại học SP Sinh - KTNN					x											x																			
28	Phạm Văn Long	Ngọc Liên		41			x			Cử nhân Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng				x																							x								
29	Bùi Xuân Tứ	Ngọc Liên		46			x			Cử nhân Xã hội học						x																								x					
30	Lê Hồng Nhung	Ngọc Liên	x	39			x			Cử nhân Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng						x																								x					
31	Đào Văn Luân	Ngọc Liên		48			x			Cử nhân Quản lý văn hoá						x																							x					
32	Trịnh Văn Viện	Ngọc Liên		49			x			Cử nhân hành chính					x																								x					
33	Phạm Thị Vân	Ngọc Liên	x	31			x			Cử nhân Công tác xã hội						x																						x						
34	Bùi Giang Nam	Ngọc Liên		46			x			Cử nhân Luật					x													x																
35	Lê Văn Hoành	Ngọc Liên		40			x			Cử nhân Công đoàn: Khoa công tác xã hội						x																									x			
36	Lương Thị Dung	Ngọc Liên	x	46			x			Cử nhân Luật học						x																									x			

=SUM(	1	2	1	1	2	2	2		1	3

1		2	1	1	5	2	1	2	1	3